



ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

MỤC LỤC

05

Thông Tin Chung

29

Đánh Giá Của HĐQT
Về Hoạt Động Của Công Ty

09

Tình Hình Hoạt Động Trong Năm

32

Kế Hoạch Hoạt Động Năm 2016

15

Báo Cáo Về Đánh Giá
Của Ban TGD

32

Dự Kiến Kế Hoạch 2016 - 2020

17

Quản Trị Công Ty

33

Báo Cáo Tài Chính

21

Ban Kiểm Soát



01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

NAM VIET JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0302205973**, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2001 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 08/07/2013.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng

Địa chỉ: **18 F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh**

Số điện thoại: (84) 837313443 - (84) 837313642 - (84) 837313991

Số fax: (84) 837313641

Website: www.navifico.vn

Email: naviinfo@navifico-corp.com

Mã cổ phiếu: NAV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963, là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất tấm lợp xi măng.

Năm 1975, NAVIFICO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2001, trở thành Công ty cổ phần Nam Việt.

Ngày 22 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất chế biến gỗ.

Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Châu Âu, Úc, Hoa Kỳ

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Sản xuất tấm lợp và cấu kiện bê tông
- Xí nghiệp Cơ khí chế tạo
- Xí nghiệp Gỗ Nam Việt

Phòng ban chức năng:

- Văn Phòng Công ty
- Phòng Kế toán Tài chính
- Phòng Kế Hoạch Kinh Doanh
- Ban Tiêu chuẩn Chất lượng

Công ty liên kết :**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SAIGON (SDC)**

Trụ sở chính: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất xi măng dân dụng và xi măng đặc chủng, sản xuất chế biến gỗ.

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ cổ phần công ty sở hữu: 38,33 % tại SDC.

5. Định hướng phát triển:

Trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên mới, chúng ta được nhiều cơ hội chọn lựa: công nghệ, kỹ thuật, thị trường, lao động và tiền vốn. Chúng ta cần phải thay đổi toàn diện về nhận thức và tư duy hành động trong điều hành SXKD, gắn kết trong chuỗi cung ứng thông qua liên doanh, liên kết. Hợp tác triển khai các ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ là nhiệm vụ chiến lược trong suốt nhiệm kỳ 4 (2016-2020).

Cũng như các doanh nghiệp khác, bên cạnh khó khăn do khách quan gây ra, Công ty phải khắc phục về nguồn nhân lực và những hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ, quản lý sản xuất và nguồn vốn hỗ trợ cho Công ty phát triển vững chắc hơn trong tương lai.

Hoạt động sản xuất tấm xi măng sợi được xác định là trọng tâm và có tầm quan trọng đặc biệt trong định hướng phát triển trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, việc đầu tư, đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án cũng mang tính sống còn đối với Công ty bao gồm:

- Dự án hợp tác sản xuất tấm xi măng sợi Autoclave
- Dự án di dời Nhà máy sản xuất tấm xi măng sợi công nghệ Hatcheck từ nguồn kinh phí di dời qua việc trao lại mặt bằng vị trí 18 F Tầng Nhon Phú Quận 9 TP.HCM hiện nay.

Cần:

- Đẩy nhanh việc hoàn tất thủ tục pháp lý
- Nhanh chóng triển khai các bước công việc cần thiết.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục phát triển sản phẩm xi măng sợi, tạo sự đột phá về chủng loại, mẫu mã chất lượng và tính năng của sản phẩm xi măng sợi.

- Duy trì liên lạc với các công ty, tổ chức sau Hội nghị IIBCC 2014 (Hội thảo quốc tế về Vật liệu composite vô cơ sợi gia cường) tại Việt Nam. Xây dựng hình ảnh và thương hiệu của NAVIFICO cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác về công nghệ sản xuất và nguồn vốn đầu tư.

- Duy trì việc tuân thủ tốt quy trình FSC – CoC, tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng theo yêu cầu khách hàng.

- Hoàn thiện việc xây dựng chuỗi cung ứng, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm của Công ty đảm bảo lợi ích hài hòa cho

các bên tham gia phân phối và tiêu thụ.

- Tăng cường cơ hội tìm kiếm khách hàng và đối tác vốn – công nghệ sản xuất - thị trường tiêu thụ thông qua việc hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Tiến hành công tác di dời nhà máy, kết hợp với việc tìm kiếm đối tác chiến lược xây dựng và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty tại thị trường trong nước và gia tăng xuất khẩu những sản phẩm của Công ty.

- Chiến lược kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa vào nguồn lực nội tại, tăng cường khả năng hợp tác, liên doanh vốn, công nghệ, thị trường với đối tác trong và ngoài nước có tính toán đến các khoản rủi ro và khống chế chi phí đầu vào.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Duy trì thực hiện các giải pháp:

- Giảm thiểu khói, khí, chất thải công nghiệp, tiết kiệm điện năng.

- Tăng cường tính tuân thủ pháp luật, chú trọng sở hữu trí tuệ và bản quyền phần mềm phục vụ việc sản xuất và kinh doanh.

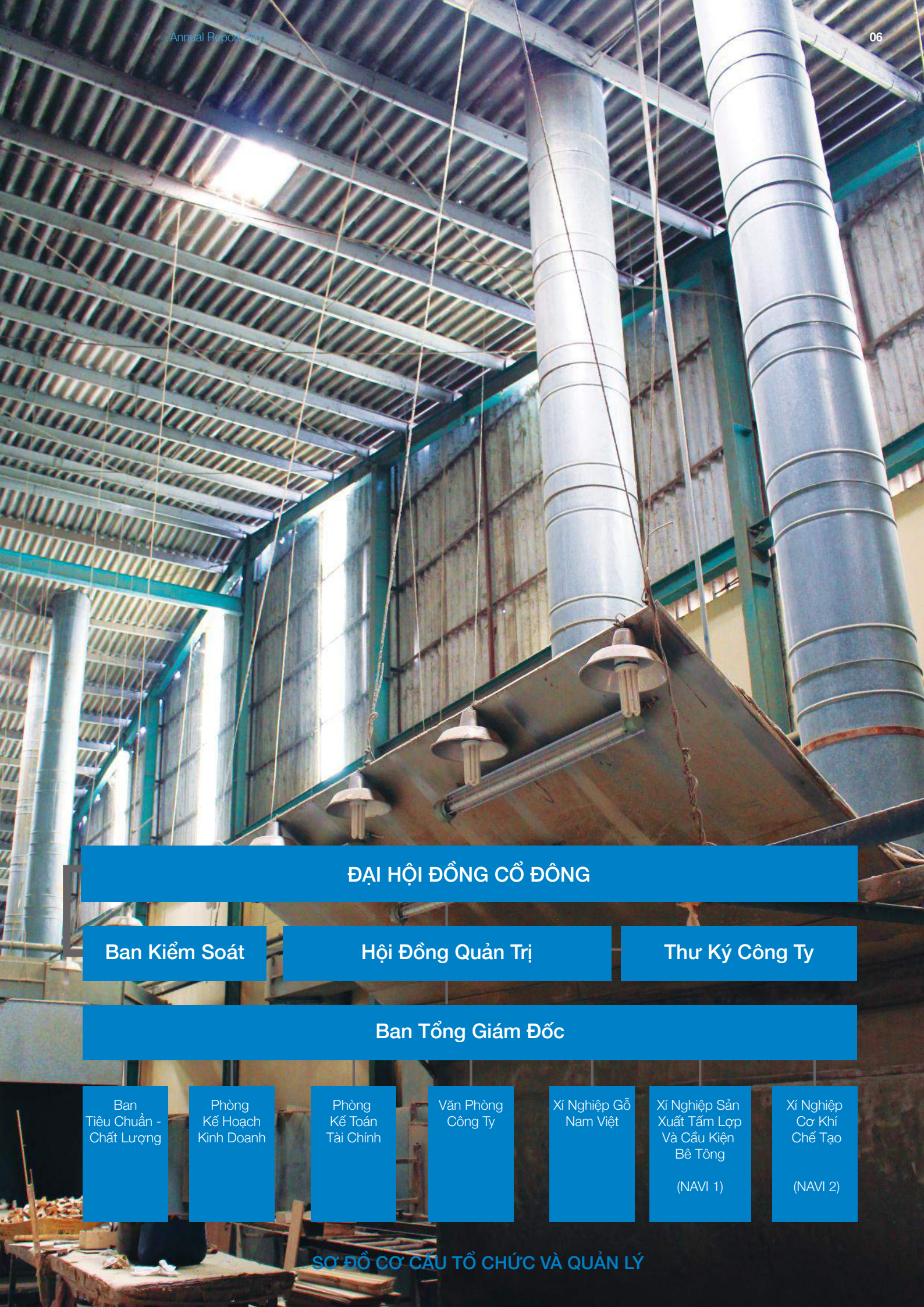
- Gia tăng các hoạt động xã hội và phát triển cộng đồng dân cư.

6. Các nguyên nhân và các rủi ro 2015:

- Ngày 31/12/2015 Việt Nam đã chính thức tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN (ACE) đưa khu vực kinh tế 10 quốc gia trở thành một thị trường chung thống nhất với dân số khoảng 600 triệu người; cùng với sự tự do dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động và sự luân chuyển vốn tự do hơn.

- Việc chuẩn y Hiệp định Hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) của Quốc hội Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội hòa nhập nền kinh tế toàn cầu.

- ACE và TPP đem lại nhiều cơ hội và nhiều thử thách đến với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm Soát

Hội Đồng Quản Trị

Thư Ký Công Ty

Ban Tổng Giám Đốc

Ban
Tiêu Chuẩn -
Chất Lượng

Phòng
Kế Hoạch
Kinh Doanh

Phòng
Kế Toán
Tài Chính

Văn Phòng
Công Ty

Xí Nghiệp Gỗ
Nam Việt

Xí Nghiệp Sản
Xuất Tấm Lợp
Và Cấu KIỆN
Bê Tông

(NAVI 1)

Xí Nghiệp
Cơ Khí
Chế Tạo

(NAVI 2)

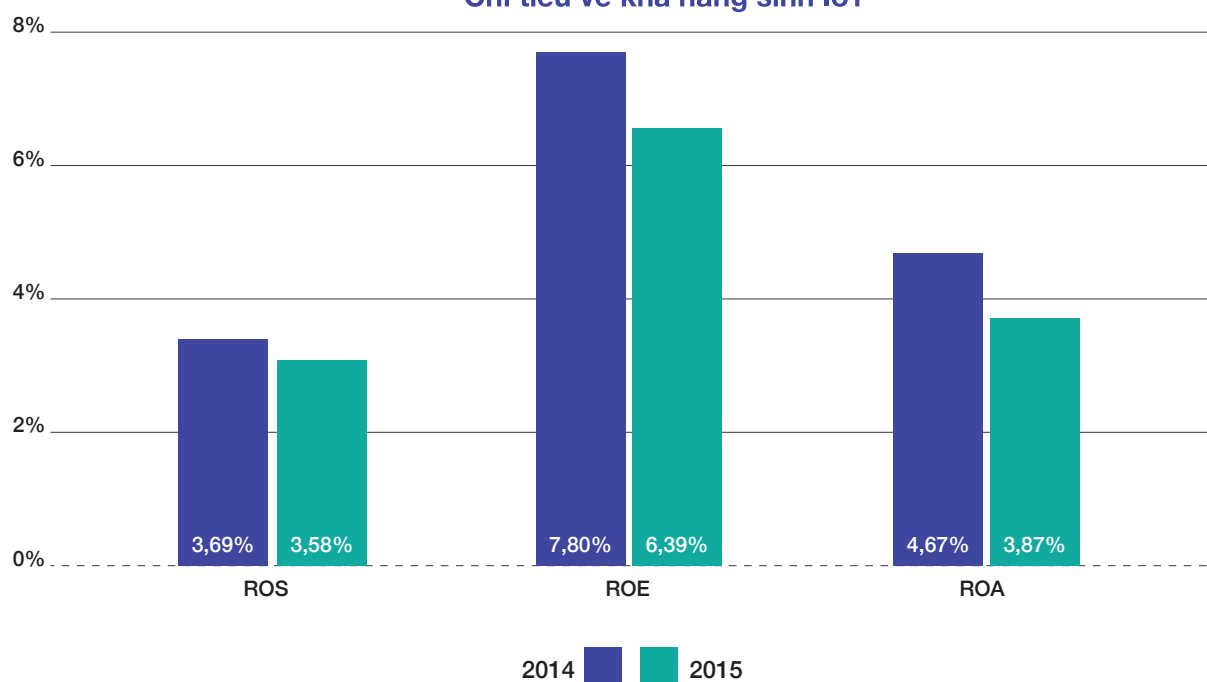
02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

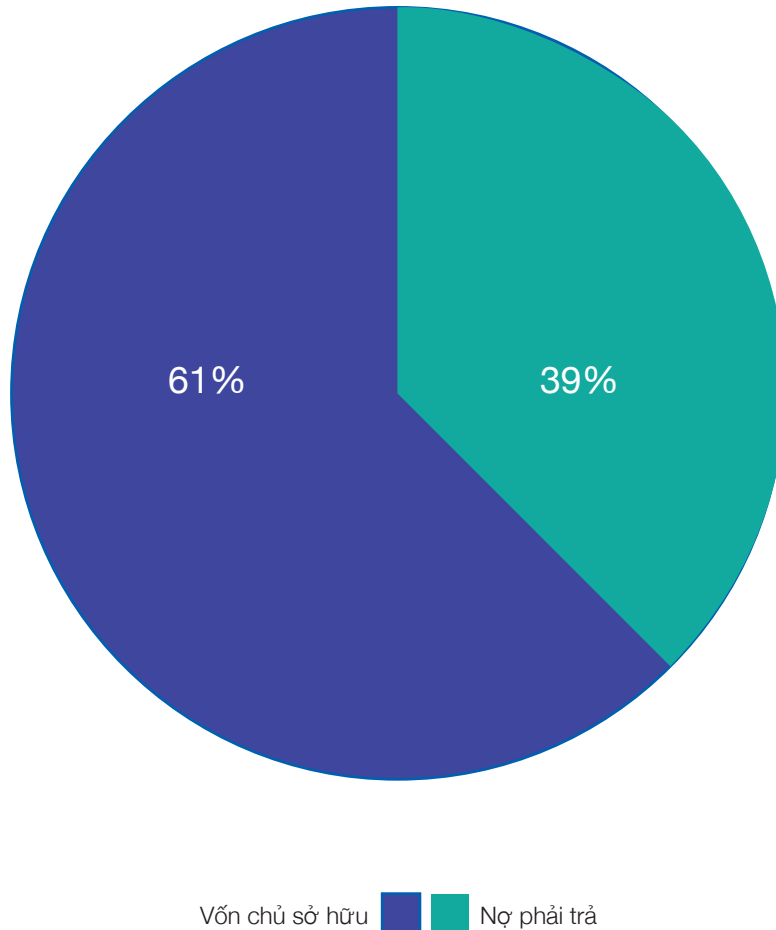
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2015:

Tình hình chung:

Chỉ Tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	SO 2014	SO KH
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208,579,550,863	217,705,000,000	178,262,363,535	85.46%	81.88%
Tổng lợi nhuận trước thuế	9,307,681,654	10,482,000,000	7,175,325,991	77.09%	68.45%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





2. Tổ chức và nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **TÔN THẮT MẠNH**
 ÔNG **VŨ HẢI BẰNG**
 ÔNG **NGUYỄN VĂN NAM**
 ÔNG **PHẠM HUỆ HÙNG**
 ÔNG **NGUYỄN LÊ PHONG**
 ÔNG **NGUYỄN VŨ THỊNH**
 ÔNG **LÊ HỮU THUẤN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG **NGUYỄN ĐÌNH MINH**
 ÔNG **VŨ THÁI HÒA**
 ÔNG **NGUYỄN NGỌC DŨNG**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG **PHẠM HUỆ HÙNG**
 ÔNG **PHẠM MINH TUYẾN**
 ÔNG **NGUYỄN TRUNG MINH ANH**

TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách	Chức danh	Trình độ văn hoá	Số cổ phần nắm giữ (NAV)		Trình độ chuyên môn	Tham gia	Các chức danh khác
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
ÔNG TÔN THẮT MẠNH	CT HĐQT	12/12	84,640	1.06%	CỬ NHÂN QTKD	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	PCT HĐQT CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG VŨ HẢI BÀNG	TV HĐQT	12/12	729,346	9.12%	CỬ NHÂN LUẬT	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	CT HĐQT – Công ty WOODLAND VĨNH PHÚC
ÔNG NGUYỄN VĂN NAM	TV HĐQT	12/12	140,000	1.75%	TRUNG CẤP KẾ TOÁN	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HĐQT CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG PHẠM HUỆ HÙNG	TV HĐQT	12/12	-	0.00%	KỸ SƯ CƠ KHÍ, CỬ NHÂN KINH TẾ	ĐIỀU HÀNH	Tổng Giám Đốc
ÔNG NGUYỄN LÊ PHONG	TV HĐQT	12/12	-	0.00%	KỸ SƯ THUỶ LỢI	ĐỘC LẬP	Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công Ty Xây Dựng Sài Gòn
ÔNG NGUYỄN VŨ THỊNH	TV HĐQT	12/12	41,984	0.52%	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	CT HĐQT - TGD CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG LÊ HỮU THUẤN	TV HĐQT	12/12	28,000	0.35%	CỬ NHÂN TCKT	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	
BAN KIỂM SOÁT							
ÔNG NGUYỄN ĐÌNH MINH	Trưởng BKS	12/12	-	0.00%	ĐẠI HỌC KINH TẾ	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	Trưởng BKS CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG VŨ THÁI HÒA	TV BKS	12/12	62,180	0.78%	KỸ SƯ CƠ KHÍ	ĐỘC LẬP	TV HĐQT CTCP VĨNH HÀ , TV HĐQT CTCP Phát Triển SAIGON
ÔNG NGUYỄN NGỌC DŨNG	TV BKS	12/12	93,856	1.17%	TIẾN SĨ KHOA QTCN	ĐỘC LẬP	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
ÔNG PHẠM HUỆ HÙNG		12/12	-	0.00%	KỸ SƯ CƠ KHÍ, CỬ NHÂN KINH TẾ	TỔNG GIÁM ĐỐC	
ÔNG NGUYỄN TRUNG MINH ANH		12/12	-	0.00%	THẠC SĨ KINH TẾ TÀI CHÍNH	PHÓ TGD	
ÔNG PHẠM MINH TUYẾN		12/12	27,748	0.35%	KỸ SƯ CHẾ TẠO MÁY, CỬ NHÂN QTKD	PHÓ TGD	
KẾ TOÁN TRƯỞNG							
BÀ THÁI THANH THỦY		12/12	25,600	0.32%	CỬ NHÂN KINH TẾ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
THƯ KÝ CÔNG TY							
ÔNG NGUYỄN TRUNG MINH ANH		12/12	-		THẠC SĨ KINH TẾ TÀI CHÍNH		



Công ty thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động về Bảo hiểm lao động, Bảo hiểm y tế - xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ lễ, tết và phép năm theo qui định.

Tổng số lao động của Công ty:	355	người
- Lao động trực tiếp	235	người
- Lao động gián tiếp	80	người
- Lao động phụ trợ	40	người

Phân loại theo trình độ chuyên môn:

- Sau đại học	3	người
- Đại học	45	người
- Cao đẳng	12	người
- Trung cấp	23	người
- Công nhân kỹ thuật	52	người
- Công nhân lành nghề	127	người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các biện pháp dự phòng:

Các khoản đầu tư:

Đầu tư tài chính tại Công ty cổ phần Phát triển Sài Gòn (SDC) chiếm 38.33% vốn điều lệ của SDC. Cổ tức trung bình là 12% / năm. Tổng giá trị đầu tư 11,498,100,000 đồng; mệnh giá từ năm 2013 là: 17,247,150,000 đồng.

4. Tình hình tài chính:

Các chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.83	2.03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.76	0.92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	40.17%	9.49%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	67.15%	65.27%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Số ngày cho 1 vòng quay)	Ngày	148.75	156.60
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1.27	1.08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.69%	3.58%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7.80%	6.39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.67%	3.87%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4.43%	3.57%



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tổng số cổ phần phổ thông : 8,000,000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

-Cổ đông tổ chức	27.83 %	Cổ đông cá nhân	72.17 %
-Cổ đông trong nước	98.10 %	Cổ đông nước ngoài	1.90 %
-Cổ đông nhà nước	20.00 %	Các cổ đông khác	80.00 %



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Sau Đại hội cổ đông thường niên 2015 Ban điều hành đã tiếp tục ưu tiên:

- Duy trì sự ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Phân tích tổng quan:

Tấm lợp xi măng sợi:

- Thị trường tấm lợp truyền thống đang dần thu hẹp do thay đổi tâm lý và tập quán của người tiêu dùng.
- Sản phẩm tấm lợp PVA dần từng bước thay thế tấm lợp truyền thống, đảm bảo tính thân thiện môi trường và an toàn cho người sử dụng.

Hoạt động sản xuất chế biến gỗ:

- Yêu cầu bền vững và thân thiện đối với sản phẩm chế biến gỗ đòi hỏi thay đổi cung cách và tư duy quản lý chất lượng sản phẩm qua chứng nhận FSC – CoC; sử dụng những loại gỗ có chu kỳ tăng trưởng ngắn ngày tạo nên xu thế sử dụng các loại gỗ trồng có sẵn tại Việt Nam như keo lai, tràm, cao su ...cung cấp cho khách hàng Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản.

- Tuy nhiên, về phía Công ty, khả năng tiếp cận các đơn hàng có số lượng lớn và khách hàng có năng lực tài chính, công nghệ, thị trường mới... đang là những mặt yếu của Công ty.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2015, Ban điều hành Công ty đã tiếp tục:

- Hoàn chỉnh trang thiết bị và tiến hành sản xuất tấm xi măng sợi PVA với tính năng thân thiện môi trường đáp

ứng yêu cầu xuất khẩu và phù hợp với thị trường tấm lợp nội địa.

- Tập trung khai thác nguồn nguyên liệu gỗ, giấy kraft ...tìm được nhà cung ứng ổn định sau khi kết thúc hội nghị IIBCC.

- Kiên trì thực hiện các giải pháp kỹ thuật theo qui trình sản xuất Hợp qui hợp chuẩn, đào tạo và nâng cao kỹ năng quản lý trong việc thực hiện FSC.

2. Tình hình tài chính:

- Hệ số khai thác tài sản 2015: 3.87%
- Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu năm 2015: 65.27%
- Vòng quay tổng tài sản: 1.08 vòng
- Vòng quay hàng tồn kho trung bình: 2.3 vòng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sử dụng các công cụ cảnh báo trong tổ chức sản xuất - cung ứng nguyên vật liệu gắn với quy trình sản xuất và kỳ hạn giao hàng.

- Gia tăng công tác quản lý nhân sự và quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác xúc tiến thương mại tìm kiếm khách hàng (cung ứng, công nghệ và thương mại).

- Chú trọng các nguy cơ suy giảm năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm tấm xi măng sợi, tiếp xúc khách hàng tiềm năng và triển khai các phương án kinh doanh.

- Hợp tác với các đối tác có tiềm lực về tài chính, công nghệ và kỹ năng tổ chức phân phối quản lý kinh doanh.

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ đang trở thành những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp; yếu tố này được xem như điều kiện tiên đề lựa chọn đối tác kinh doanh nhất là các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Các vi phạm về bản quyền mà các doanh nghiệp Việt Nam gặp phải thường thuộc về lĩnh vực phần mềm, nhãn mác hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT) đã tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Bên cạnh đó, các kỳ họp định kỳ của HĐQT giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty. HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

Đối với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành SXKD, việc quản lý điều hành được thực hiện thông qua các kỳ họp định kỳ của HĐQT và thông qua các lần lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản.

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát theo đúng chức năng hạn nhiệm vụ được quy định.

Xây dựng và duy trì:

Chuỗi hành trình sản phẩm CoC và sử dụng nguyên liệu rừng trồng FSC đối với hoạt động SXCB gỗ và hoàn tất xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, đăng ký Hợp quy và công bố Hợp chuẩn với sản phẩm tấm xi măng sợi; kiện toàn bộ máy điều hành Công ty và quảng bá nâng cao thương hiệu.

Hoạt động tài chính luôn được chú trọng, việc điều hòa sử dụng vốn hữu ích luôn là yêu cầu bức thiết đối với nghiệp vụ tài chính: đúng, đủ, kịp thời.

Bên cạnh việc giải quyết tốt nguồn vốn phục vụ cho các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tập trung công tác thu hồi công nợ (thu hồi được phần lớn công nợ khó đòi), và đảm bảo tốt các nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của các cổ đông.

Một số hạn chế cần khắc phục:

- Tính tự chủ trong kinh doanh đàm phán và tìm kiếm khách hàng thích hợp với tính chất hoạt động của Nhà máy còn nhiều hạn chế.
- Khả năng triển khai dự án:
 - . Phần lớn bị kéo dài ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Nguyên nhân chủ yếu do công tác chấp thuận chủ trương đầu tư và cơ chế chính sách điều chỉnh của UBND địa phương.
 - . Quy mô vốn Công ty thuộc nhóm vừa và nhỏ.
 - . Chưa có nhiều cải tiến về chất lượng, mẫu mã, chủng loại sản phẩm.

	2014	2015
Doanh thu thuần	208,579,550,863	178,262,363,535
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	9,307,681,654	7,168,872,774
Lợi nhuận sau thuế	7,689,048,777	5,940,756,235

Năm 2015, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và không ít bất trắc, giá dầu giảm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách và khả năng đáp ứng vốn cho đầu tư phát triển.



Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan:

STT	Tên Tổ chức/ Cá nhân	Chức vụ/ Mối liên hệ với Cổ đông nội bộ	Sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tôn Thất Mạnh	Chủ tịch HĐQT	84,640	1.06%
	Nguyễn Thị Diệu Lan	Vợ	40,000	0.50%
	Tôn Nữ Ái Lan	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Quỳnh Hương	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Thị Liên	Em	92,000	1.15%
2	Lê Hữu Thuấn	Thành viên HĐQT	28,000	0.35%
	Đặng Thị Tàu	Mẹ	-	0.00%
	Trần Thị Lệ Xuân	Vợ	-	0.00%
	Lê Ngọc Thơ	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Thuyên	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Luật Thông	Anh	12,108	0.15%
3	Vũ Hải Bằng	Thành viên HĐQT	729,346	9.12%
	Nguyễn Thị Bích Hằng	Vợ	-	0.00%
	Vũ Triều Dương	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Linh	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Thi	Con	-	0.00%
	Vũ Nhật Khải	Bố	-	0.00%
	Bùi Thị Hội	Mẹ	-	0.00%
	Vũ Diệp Liên	Em gái	-	0.00%
4	Nguyễn Vũ Thịnh	Thành viên HĐQT	41,984	0.52%
	Lương Thị Xuân Hương	Vợ	61,200	0.77%
	Nguyễn Văn Hoàn	Cha ruột	-	0.00%
	Nguyễn Thảo Phương	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đức Thông	Con	-	0.00%
5	Nguyễn Lê Phong	Thành viên HĐQT	-	-
	Trần Thị Khuông	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Lê Minh	Con	-	0.00%
	Nguyễn Lê Thu Nga	Con	-	0.00%
	Nguyễn Hồng Điền	Cha	-	0.00%
	Lê Thị Hồng Liên	Mẹ	-	0.00%
	Nguyễn Lê Quang	Anh	-	0.00%
6	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	140,000	1.75%
	Nguyễn Thị Phan	Vợ	16,000	0.20%
	Nguyễn Anh Tuấn	Con	1,000	0.01%
	Nguyễn Anh Kiệt	Con	-	0.00%
	Nguyễn Anh Vũ	Con	100,000	1.25%
	Nguyễn Phan Anh Duy	Còn nhỏ	-	0.00%
7	Phạm Huệ Hùng	Thành viên HĐQT	-	-
	Phạm Huệ Triều	Cha	-	0.00%
	Trần Thị Phe	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Thúy Diệp	Con	-	0.00%
	Phạm Huệ Hùng Tâm	Con	-	0.00%



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham gia ý kiến về công tác tổ chức điều hành sản xuất, yêu cầu Ban Tổng giám đốc giải trình về các quyết định sản xuất, quan điểm điều hành, biện pháp ứng phó với hoạt động thu hồi vốn, công nợ khó đòi của Công ty.

05 BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nam Việt, Ban Kiểm soát báo cáo với Đại hội những nội dung chủ yếu hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2015

1. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2015:

- Ban Kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.
- Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp với Ban điều hành Công ty phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định mức độ hoàn thành chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2015; cùng nhau lượng định và đánh giá các rủi ro tuân thủ, các rủi ro tiềm tàng và rà soát hạn chế các sai sót trong nghiệp vụ tài chính ghi nhận.

Cụ thể:

Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ:

- Tăng cường việc giám sát và quản lý dòng tiền;
- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn;
- Lưu ý đến các rủi ro pháp lý đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát đã đề xuất các giải pháp:

- Tập trung công tác dự báo phân tích thị trường để tổ chức sản xuất, tiêu thụ.
- Chú trọng duy trì tăng trưởng – tái cơ cấu hoạt động công ty;
- Cập nhật các tiến bộ công nghệ xử lý và ứng dụng trong sản xuất các sản phẩm có tính bền vững và chất lượng ổn định.
- Công tác huy động vốn và giải pháp về sử dụng vốn cho mục tiêu phát triển tương lai phù hợp quỹ đất 18 F và đầu tư xây dựng cơ bản tại địa điểm sẽ di dời đến.





2. Kết quả tình hình giám sát tài chính của Công Ty:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2015 so với mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông cụ thể:

	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ 2015	Thực hiện 2015	So sánh
Doanh thu	đồng	217,705,000,000	178,262,363,535	81.88%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	10,482,000,000	6,376,754,446	60.84%
Mức chi cổ tức	%	9%	9%	

Ban Kiểm soát nhất trí với những đánh giá trong Báo cáo của Tổng giám đốc Công ty về những tồn tại và hướng đề xuất khắc phục .

So sánh cùng kỳ:

	2014	2015	So sánh +/-	So sánh +/- %
Doanh thu	208,579,550,863	178,262,363,535	-30,317,187,328	-14.54%
Lợi nhuận sau thuế	7,689,048,777	6,376,754,446	-1,312,294,331	-17.07%

Doanh thu giảm 14,54% , lợi nhuận sau thuế giảm 17,07 % có các nguyên nhân:

% So doanh thu	Đơn vị tính	2014	2015	So sánh
Chi phí bán hàng	%	4.60%	4.89%	0.29%
Chi phí quản lý	%	8.07%	6.56%	-1.51%
Chi phí lãi vay ngân hàng	%	1.54%	1.74%	0.20%
Giá vốn hàng bán	%	82.11%	85.09%	2.98%

Giá vốn tăng 2,98 % trong khi các chi phí khác trên doanh thu giảm nhẹ; riêng chi phí quản lý giảm do hoàn nhập dự phòng làm tăng lợi nhuận.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên số 0515251/AISC-DN7 về Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015, được lập ngày 17/03/2016.

Xem xét về quan hệ ngân hàng và doanh nghiệp:

		2014	2015	So sánh +/-
Doanh số trả nợ gốc	so doanh thu	81.39%	83.58%	2.19%
Doanh số vay ngân hàng	so giá vốn	90.37%	102.91%	12.54%

Phản ánh công tác kinh doanh không thuận lợi. Dự trữ tồn kho, thành phẩm và nguyên vật liệu vượt so nhu cầu vốn lưu động cần thiết để duy trì hoạt động bình thường của Công ty.





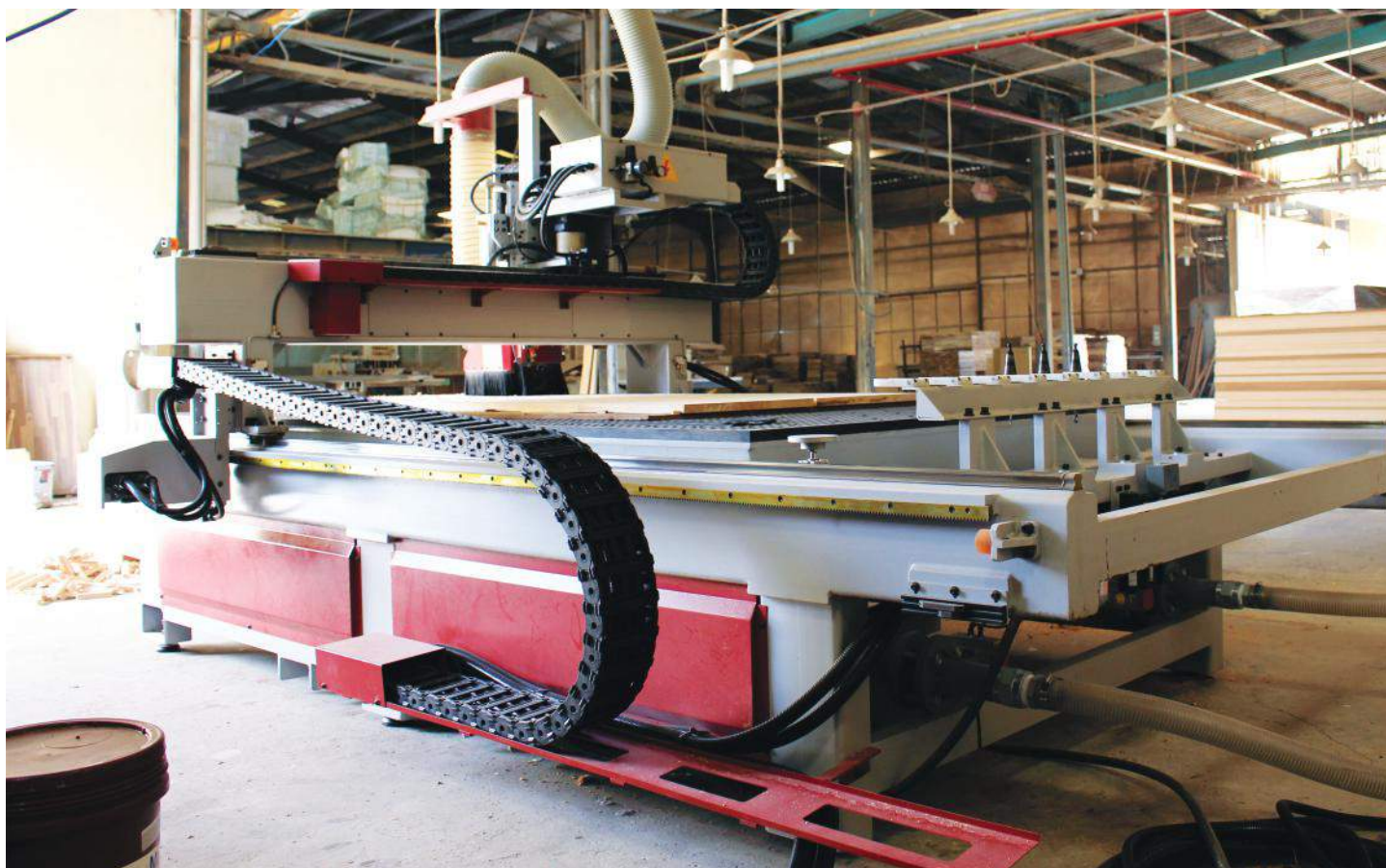
3. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành Công Ty:

- Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty có gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ban kiểm soát và Công ty.
- Người quản lý của Công ty đã thể hiện sự nỗ lực trong việc quản lý, điều hành Công ty. Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ cảnh báo chưa được thực hiện nghiêm túc.

4. Đánh giá kết quả phối hợp của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều hành và Cổ đông của Công ty:

- Sự phối hợp của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị đã và đang phát huy trong việc thực hiện định hướng phát triển, hỗ trợ Ban điều hành khi cần có quyết định kinh doanh mới và duy trì các hoạt động của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.
- Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến khiếu nại, tố cáo bằng văn bản của Cổ đông về các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Chức vụ/ Mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NGUYỄN ĐÌNH MINH	Trưởng BKS		0.00%
	LÊ THỊ BÊ	Mẹ		0.00%
	NGUYỄN THANH NHÂN	Vợ		0.00%
	NGUYỄN ANH THƯ	Con		0.00%
	NGUYỄN ĐÌNH MINH KHANG	Con		0.00%
	NGUYỄN ĐÌNH ÁI	Em trai		0.00%
2	NGUYỄN NGỌC DŨNG	Thành viên BKS	93,856	1.17%
	ĐÌNH THỊ BÍCH THANH	Vợ		0.00%
	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Con		0.00%
	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	Con		0.00%
3	VŨ THÁI HÒA	Thành viên BKS	62,180	0.78%
	BẠCH LÊ PHƯƠNG	Vợ		0.00%
	VŨ HẢI LINH	Con		0.00%

Thù lao Hội đồng quản trị - Ban Kiểm soát – Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý năm 2015:

Họ tên	Thù lao HĐQT BKS 2015	Tiền lương thực nhận 2015	Tổng cộng	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
TÔN THẮT MẠNH	17,052,027	17,052,027		
LÊ HỮU THUẤN	17,052,027	195,866,401	212,918,428	
VŨ HẢI BẰNG	14,052,027	14,052,027		
NGUYỄN VĂN NAM	17,052,027	17,052,027		
NGUYỄN VŨ THỊNH	14,052,027	14,052,027		
NGUYỄN LÊ PHONG	17,052,027	17,052,027		
PHẠM HUỆ HÙNG	17,052,027	17,052,027		
BAN KIỂM SOÁT				
NGUYỄN ĐÌNH MINH	17,052,027	127,586,887	144,638,914	
VŨ THÁI HÒA	11,052,027	11,052,027		
NGUYỄN NGỌC DŨNG	11,052,027	11,052,027		
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
PHẠM HUỆ HÙNG	281,174,769	281,174,769		TGD
NGUYỄN TRUNG MINH ANH	201,476,464	201,476,464		P.TGD, TKCT
PHẠM MINH TUYẾN	269,468,491	269,468,491		P.TGD
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
THÁI THANH THỦY	210,753,314		210,753,314	
THƯ KÝ CÔNG TY				
NGUYỄN TRUNG MINH ANH				

Phê duyệt của Hội đồng quản trị về các giao dịch hợp đồng với cổ đông nội bộ, có liên quan cổ đông nội bộ trong năm 2015:

- DNTN Nam Vũ đại diện là Ông Nguyễn Anh Kiệt, giá trị giao dịch bán : 20,259,444,722 đồng “V/v tiêu thụ sản phẩm tấm lợp của công ty” là người có liên quan với thành viên HĐQT Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Vũ Thịnh (TGD CTCPPPT Saigon) giá trị giao dịch mua : 10,910,614,398 đồng “V/v cung cấp xi măng công nghiệp cho việc sản xuất tấm lợp”.



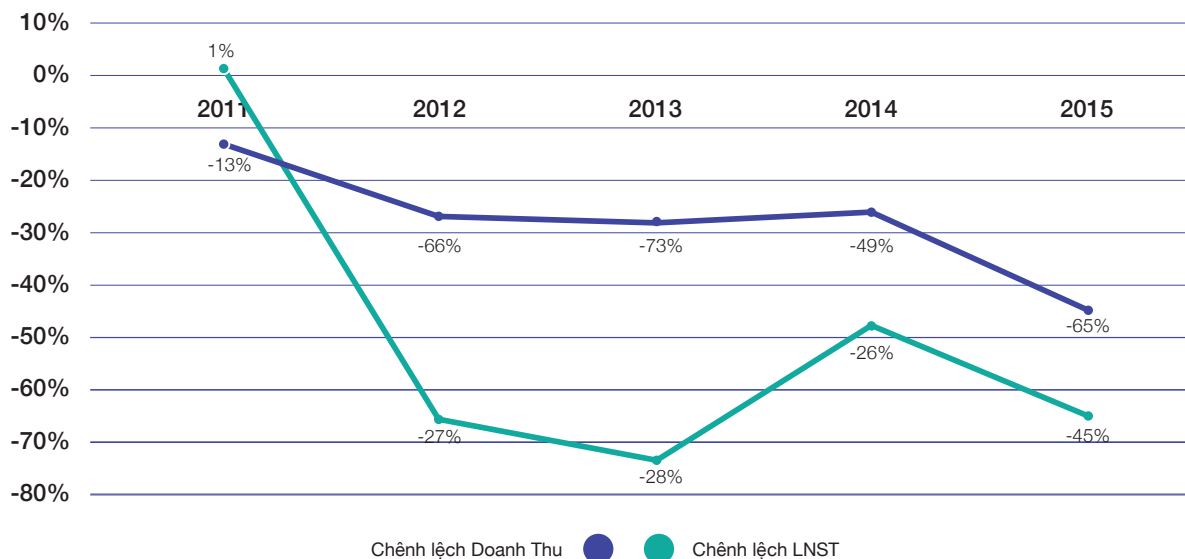
06 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2011-2015

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
1	KH doanh thu	đồng	211,112,000,000	236,063,000,000	258,789,050,000	281,515,100,000	326,967,200,000
2	TH doanh thu	đồng	182,889,741,344	171,720,539,452	186,937,500,476	208,579,550,863	178,262,363,535
Thực hiện kế hoạch			86.63%	72.74%	72.24%	74.09%	54.52%

Doanh thu thực hiện trong giai đoạn 2011 – 2015 đều không đạt được kế hoạch. Trung bình doanh thu thực hiện trong giai đoạn này thấp hơn kế hoạch khoảng 28%

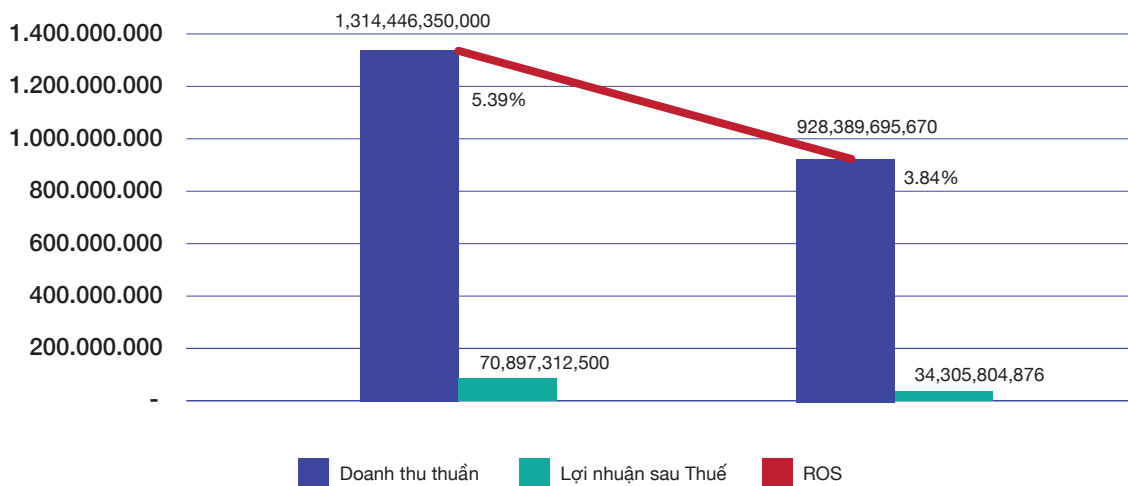
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
1	KH LNST	đồng	11,877,375,000	13,003,125,000	14,004,187,500	15,005,250,000	17,007,375,000
2	TH LNST	đồng	11,965,928,974	4,476,932,421	3,797,140,258	7,689,048,777	6,376,754,446
Thực hiện kế hoạch			100.7%	27.11%	51.24%	37.49%	34.43%

Lợi nhuận thực hiện được thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu. Ngoại trừ năm 2011 có lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra, trung bình các năm còn lại thấp hơn kế hoạch khoảng 62%.





Mức độ hoàn thành KH SXKD so dự kiến 2011-2015:



Doanh thu và lợi nhuận thực hiện thấp hơn nhiều so với kế hoạch đề ra; tỷ suất lợi nhuận / doanh thu (ROS) chỉ đạt 71.19% so với kế hoạch. ROS trung bình suốt nhiệm kỳ 2011 – 2015 là 3.84% trong khi kế hoạch là 5.39%.

Tổng doanh thu thực hiện trong giai đoạn 2011 – 2015 chỉ đạt 70.63% trong khi lợi nhuận sau thuế (LNST) chỉ đạt 48.40% so với kế hoạch 5 năm cho giai đoạn này. Điều này cho thấy mảng kinh doanh tấm lợp truyền thống ngày càng suy giảm và không còn mang lại hiệu quả như trước, đồng thời hoạt động sản xuất chế biến gỗ vẫn chưa phục hồi nên hiệu quả tiếp tục suy giảm.



07 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2016
1	KH doanh thu	đồng	163,492,000,000
2	LNST	đồng	5,303,072,500
3	ROE	%	3,24%

2. Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2016:

Trích lập quỹ :

- Quỹ đầu tư và phát triển : 424,245,800 đồng được trích lập 8% từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính : 106,061,450 đồng được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng : 106,061,450 đồng được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ phúc lợi : 106,061,450 đồng được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
- Mức chi cổ tức năm 2016 : 5 % / năm

3. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016:

Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016: 3% lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ.

08 DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2016 - 2020

	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng doanh thu	163,492,000,000	184,547,186,000	210,995,044,000	236,958,649,000	241,576,789,000
Lợi nhuận trước thuế	5,982,072,500	9,260,171,000	15,469,653,000	18,197,145,000	19,064,431,000
Lợi nhuận sau thuế	5,303,072,500	7,908,137,000	12,875,722,000	15,057,716,000	15,751,545,000
%LNTT/Vốn điều lệ	7.48%	11.58%	19.34%	22.75%	23.83%
%LNST/Vốn điều lệ	6.63%	9.89%	16.09%	18.82%	19.69%
Dự kiến mức chi cổ tức	5%	8%	12%	12%	12%

09 BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Số: 0515251/AISC-DN7

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389 A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3832 8964 (10 lines)

Fax: (84.8) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**
Công ty Cổ phần Nam Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT, được lập ngày 10/03/2016, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN

Số GCNĐKHNKT: 2172-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2016



PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

Số GCNĐKHNKT: 0794-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V.1	129,869,978,161	110,321,532,324
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5,508,533,103	6,996,305,479
1. Tiền	111		2,508,533,103	6,996,305,479
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50,074,704,255	37,715,140,756
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	48,718,767,418	32,747,882,158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	581,902,379	12,150,940,405
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	202,301,000	407,784,268
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	4,576,968,219	2,806,478,148
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,6	(4,005,234,761)	(10,397,944,223)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	71,269,053,206	60,693,629,523
1. Hàng tồn kho	141		72,435,985,743	62,078,047,814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,166,932,537)	(1,384,418,291)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,017,687,597	4,916,456,566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1,342,329,649	1,438,787,080
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,239,667,034	3,477,669,486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	435,690,914	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34,932,287,597	54,420,805,768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		139,500,000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	139,500,000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20,652,542,852	33,106,778,912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20,652,542,852	19,332,500,112
Nguyên giá	222		62,418,611,501	57,466,083,474
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,766,068,649)	(38,133,583,362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	13,774,278,800
Nguyên giá	228		900,098,950	14,674,377,750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(900,098,950)	(900,098,950)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	2,361,448,206	9,797,066,563
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1,938,560,020	9,370,589,968
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		422,888,186	426,476,595
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	11,498,100,000	11,498,100,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11,498,100,000	11,498,100,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		280,696,539	18,860,293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	280,696,539	18,860,293

2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
			164,802,265,758	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		164,742,338,092

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2015	01/01/2015
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		65,086,067,550	66,183,315,888
I.	Nợ ngắn hạn	310		63,950,487,230	65,290,931,348
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	7,136,164,591	11,182,261,968
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	141,864,763	181,076,406
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	57,592,800	243,564,047
4.	Phải trả người lao động	314		586,971,307	3,941,300,390
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1,041,814,471	2,066,250,528
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1,522,828,607	1,984,995,571
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	52,657,886,874	45,556,167,880
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	587,379,083	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		217,984,734	135,314,558
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1,135,580,320	892,384,540
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	1,135,580,320	892,384,540
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2015	01/01/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99,716,198,208	98,559,022,204
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	99,716,198,208	98,559,022,204
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(190,000)	(190,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,243,398,279	11,605,722,834
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,472,989,929	6,953,489,370
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,153,501,372	539,284,880
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,319,488,557	6,414,204,490
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		164,802,265,758	164,742,338,092

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thanh Trang

Thái Thanh Thủy

Phạm Huệ Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178,262,363,535	208,579,550,863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	178,262,363,535	208,579,550,863
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	151,677,129,267	171,261,347,458
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26,585,234,268	37,318,203,405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4,475,870,983	2,236,266,140
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	4,289,515,118	3,871,369,107
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,106,494,449	3,308,272,260
8. Chi phí bán hàng	25		8,715,733,743	9,601,727,398
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11,693,006,192	16,838,661,099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		6,362,850,198	9,242,711,941
11. Thu nhập khác	31		1,066,911,105	92,064,151
12. Chi phí khác	32		254,435,312	27,094,438
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		812,475,793	64,969,713
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,175,325,991	9,307,681,654
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	798,571,545	1,618,632,877
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6,376,754,446	7,689,048,777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		765	961
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	765	961

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thanh Trang



Thái Thanh Thủy



Phạm Huệ Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7,175,325,991	9,307,681,654
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11-14	3,632,485,287	3,580,520,244
Các khoản dự phòng	03		(6,610,195,216)	2,008,650,785
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		97,301,492	118,964,804
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,067,891,768)	(2,129,250,884)
Chi phí lãi vay	06	VI.6	3,106,494,449	3,308,272,260
Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,333,520,235	16,194,838,863
Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(4,304,042,499)	3,252,694,123
Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(2,925,907,981)	11,391,380,162
Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(8,017,918,980)	(2,420,670,545)
Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(165,378,815)	(600,043,505)
Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(3,106,494,449)	(3,308,272,260)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,399,210,341)	(894,675,290)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(263,633,424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16,585,432,830)	23,351,618,124
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4,952,528,027)	(154,037,504)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		13,777,867,209	10,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,067,891,768	2,122,568,538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,893,230,950	1,978,531,034
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	156,093,276,484	154,774,068,226
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(148,991,557,490)	(169,761,269,602)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,799,987,998)	(4,799,988,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2,301,730,996	(19,787,189,376)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(1,390,470,884)	5,542,959,782
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	6,996,305,479	1,456,188,721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(97,301,492)	(2,843,024)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5,508,533,103	6,996,305,479

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Thái Thanh Thủy

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Huệ Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVIFICO)

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) 837313443 - (84) 37313991

Fax: (84) 837313641

Website: www.navifico.vn

Email: naviinfo@navifico-corp.com